

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 56/2012/QĐ-TTg

*Hà Nội, ngày 21 tháng 12 năm 2012***QUYẾT ĐỊNH****Ban hành Quy chế quản lý và xử lý rủi ro đối với danh mục nợ công**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Quản lý nợ công ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 79/2010/NĐ-CP của Chính phủ ngày 14 tháng 7 năm 2010 về nghiệp vụ quản lý nợ công;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định Quy chế quản lý và xử lý rủi ro đối với danh mục nợ công.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và xử lý rủi ro đối với danh mục nợ công.**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2013.**Điều 3.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến quản lý và xử lý rủi ro đối với nợ công chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.**THỦ TƯỚNG****Nguyễn Tấn Dũng**

QUY CHẾ
QUẢN LÝ VÀ XỬ LÝ RỦI RO ĐỐI VỚI DANH MỤC NỢ CÔNG
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 56/2012/QĐ-TTg
ngày 21 tháng 12 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ)*

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định quản lý và xử lý rủi ro đối với danh mục nợ công, bao gồm phát hiện rủi ro, đánh giá mức độ rủi ro, xử lý rủi ro và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc quản lý và xử lý rủi ro đối với danh mục nợ công.

2. Các loại rủi ro được quy định trong Quy chế này bao gồm:

- a) Rủi ro thị trường.
- b) Rủi ro thanh khoản.
- c) Rủi ro tín dụng.
- d) Rủi ro hoạt động.

3. Công cụ tài chính để xử lý rủi ro đối với danh mục nợ công, bao gồm:

- a) Các giao dịch phái sinh gồm: Giao dịch quyền chọn và hoán đổi.
- b) Các nghiệp vụ tái cơ cấu nợ, gồm: Gia hạn nợ, khoan nợ, xóa nợ, đảo nợ, hoán đổi nợ và mua lại nợ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc quản lý và xử lý rủi ro đối với danh mục nợ công.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quyết định này, ngoài các từ ngữ đã được giải thích trong Luật Quản lý nợ công ngày 17 tháng 6 năm 2009 và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Quản lý nợ công, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- 1. Rủi ro thị trường là khả năng xảy ra tổn thất về nợ công do biến động lãi suất và tỷ giá trên thị trường tài chính.
- 2. Rủi ro tín dụng là khả năng xảy ra tổn thất về nợ công do người vay lại vốn vay của Chính phủ, người được bảo lãnh của Chính phủ không thực hiện đầy đủ, đúng hạn nghĩa vụ trả nợ vay theo đúng các điều kiện, điều khoản của thỏa thuận vay hoặc phát hành.

3. Rủi ro thanh khoản là khả năng xảy ra tổn thất về nợ công do không huy động được vốn, thiếu các tài sản tài chính có tính thanh khoản để thực hiện đầy đủ, kịp thời các nghĩa vụ nợ đến hạn theo cam kết hoặc phải tìm kiếm nguồn vay mới có chi phí cao bất thường so với điều kiện thị trường.

4. Rủi ro hoạt động là khả năng xảy ra tổn thất bắt nguồn từ quy trình thực hiện các nghiệp vụ quản lý nợ công; con người; hệ thống máy móc sử dụng trong hoạt động quản lý nợ công không đầy đủ, không đáp ứng yêu cầu quản lý hoặc bắt nguồn từ các yếu tố bên ngoài quy trình thực hiện các nghiệp vụ quản lý nợ công (như cơ sở dữ liệu nợ bị đánh cắp/phá hỏng, giấy tờ liên quan tới quy trình quản lý nợ công bị làm giả mạo...).

5. Hợp đồng Quyền chọn lãi suất là một thỏa thuận mang tính pháp lý giữa hai bên cho phép người mua quyền chọn được quyền chốt cố định mức lãi suất của một khoản vay hoặc cho vay danh nghĩa tại một thời điểm cụ thể trong tương lai.

6. Hợp đồng Quyền chọn tiền tệ là một thỏa thuận mang tính pháp lý cho phép người mua quyền chọn được quyền mua hoặc bán một số lượng ngoại tệ danh nghĩa nhất định với một tỷ giá hối đoái xác định tại một thời điểm cụ thể trong tương lai.

7. Hợp đồng Hoán đổi tiền tệ là một thỏa thuận ràng buộc mang tính pháp lý giữa hai bên để trao đổi hai loại tiền tệ khác nhau theo thời hạn thỏa thuận và cuối thời hạn các bên phải trả lại cho nhau khoản tiền gốc ban đầu với tỷ giá đã được xác định tại thời điểm bắt đầu giao dịch.

8. Hợp đồng Hoán đổi lãi suất là một thỏa thuận mạng tính pháp lý theo đó mỗi bên cam kết thanh toán cho bên kia khoản tiền lãi theo một loại lãi suất (thả nổi hoặc cố định) đã cam kết trên một khoản vốn gốc nhất định trong cùng một khoảng thời gian xác định.

9. Gia hạn nợ là việc cho phép kéo dài thời hạn trả nợ đã cam kết và trong thời gian gia hạn nợ, người vay/người vay lại vẫn phải trả lãi tiền vay.

10. Khoanh nợ là việc chưa thu một phần hoặc toàn bộ nợ vay trong thời gian nhất định và không tính lãi phát sinh trong thời gian được khoanh nợ.

11. Xóa nợ (gốc, lãi, phí) là việc cho phép không thu hồi một phần hoặc toàn bộ số dư nợ (gốc, lãi và phí) chưa trả theo cam kết ban đầu.

12. Đảo nợ là việc thực hiện huy động vốn vay mới để trả trước một phần hay toàn bộ khoản vay cũ.

13. Hoán đổi nợ là việc cùng mua, cùng bán hai (02) khoản nợ khác nhau của cùng một chủ thể phát hành tại cùng một thời điểm với mục tiêu cơ cấu lại danh mục nợ.

14. Mua lại nợ là việc thực hiện mua lại toàn bộ hoặc một phần số nợ của chủ thể đi vay hoặc phát hành.

15. Dự phòng rủi ro là số tiền được trích lập để dự phòng cho các loại rủi ro phát sinh trong quá trình huy động, phân bổ, sử dụng vốn vay, trả nợ và quản lý nợ công.

16. Hợp đồng khung ISDA là hợp đồng mẫu do Hiệp hội quốc tế về hoán đổi và các sản phẩm phái sinh (International Swaps and Derivatives Association) ban hành và thống nhất sử dụng khi thực hiện các giao dịch phái sinh. Hợp đồng này bao gồm các điều khoản ràng buộc hai bên tham gia giao dịch đồng thời chuẩn hóa giấy tờ pháp lý cho các giao dịch này.

17. Hệ số chiết khấu là tỷ lệ phần trăm (%) lãi hàng năm, được làm căn cứ quy đổi giá trị của dòng tiền trong tương lai của khoản nợ về giá trị hiện tại.

Chương II

QUẢN LÝ VÀ XỬ LÝ RỦI RO ĐỐI VỚI DANH MỤC NỢ CÔNG

Điều 4. Mục tiêu quản lý rủi ro

1. Tối ưu hóa cơ cấu nợ công, đảm bảo nghĩa vụ trả nợ và nâng cao hiệu quả hoạt động công tác quản lý nợ công.
2. Đảm bảo không làm tăng nghĩa vụ nợ công đã được xử lý so với khoản nợ ban đầu đưa ra xử lý quy về giá trị hiện tại ở thời điểm xử lý rủi ro.
3. Giảm thiểu những thiệt hại có thể xảy ra trong tình huống xấu nhất với chi phí phát sinh hợp lý.

Điều 5. Nguyên tắc xử lý rủi ro

1. Việc xử lý rủi ro chỉ áp dụng cho các nguyên nhân khách quan.
2. Việc phòng ngừa và xử lý rủi ro phải căn cứ vào thỏa thuận vay hoặc công cụ nợ gốc trong danh mục nợ công hiện hành, nguyên nhân phát sinh rủi ro, phù hợp với quy định pháp luật Việt Nam và thông lệ quốc tế.
3. Việc phòng ngừa rủi ro đối với danh mục nợ công phải thực hiện phù hợp với chiến lược dài hạn về nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia, chương trình quản lý nợ trung hạn trong từng giai đoạn.
4. Các khoản nợ công bị rủi ro do các nguyên nhân chủ quan thì tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất phải chịu trách nhiệm xử lý và bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Nguyên nhân rủi ro

1. Nguyên nhân khách quan, bao gồm:

a) Thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, dịch bệnh xảy ra làm thiệt hại trực tiếp đến các chương trình, dự án sử dụng vốn vay thuộc danh mục nợ công.

b) Điều chỉnh cơ chế, chính sách kinh tế vĩ mô, sự thay đổi các điều kiện về chính trị, pháp luật có ảnh hưởng trực tiếp đến quy mô và nghĩa vụ nợ công.

c) Những tác động của kinh tế thế giới và khu vực, biến động của thị trường vốn quốc tế, quá trình tự do hóa tài chính, tiền tệ và hội nhập quốc tế.

d) Người vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ, người được Chính phủ bảo lãnh vay vốn đã có quyết định giải thể hoặc phá sản theo quy định của pháp luật.

2. Nguyên nhân chủ quan, bao gồm:

a) Sử dụng vốn vay sai mục đích và cố ý làm trái quy định.

b) Người vay, người vay lại và người được bảo lãnh thiếu thiện chí, cố tình chây ì trong việc hoàn trả các nghĩa vụ nợ đến hạn theo đúng các điều kiện, điều khoản của thỏa thuận vay hoặc phát hành công cụ nợ.

c) Các nguyên nhân chủ quan khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Đánh giá, dự báo rủi ro

1. Quy trình đánh giá, dự báo rủi ro đối với danh mục nợ công, gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tổ chức đánh giá về môi trường thể chế, pháp lý, kinh tế vĩ mô, tài khóa, tiền tệ, tỷ giá, lãi suất và biến động của thị trường vốn trong nước và quốc tế có tác động đến danh mục nợ công.

b) Định kỳ và thường xuyên phân tích, đánh giá diễn biến về cơ cấu đồng tiền, lãi suất, kỳ hạn, quy mô, nghĩa vụ trả nợ công hiện tại và xu hướng tương lai nhằm nhận diện mức độ rủi ro để có biện pháp xử lý rủi ro phù hợp.

c) Xây dựng mô hình và phương pháp kỹ thuật lượng hóa rủi ro đối với danh mục nợ để dự tính chi phí có thể phát sinh trong trường hợp rủi ro xảy ra do thay đổi bất lợi của thị trường.

d) Thực hiện đánh giá mức độ thiệt hại do rủi ro tín dụng để xác định xác suất việc mất khả năng trả nợ của người vay lại vốn vay của Chính phủ, người được bảo lãnh thông qua việc phân loại nợ.

đ) Xây dựng Ma trận đề mô tả mức độ tác động của rủi ro hoạt động trong công tác quản lý nợ công.